

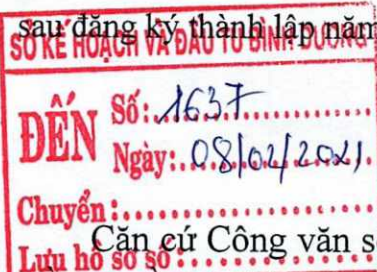
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 509 /UBND-KT

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2021

V/v báo cáo tình hình quản lý
nhà nước đối với doanh nghiệp
sau đăng ký thành lập năm 2020.



Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 521/BKHĐT-ĐKKD ngày 29/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập năm 2020; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 521/BKHĐT-ĐKKD ngày 29/01/2021 về việc báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập năm 2020 để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01/03/2021; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh./. *[Signature]*

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Tạo, TH;
- Lưu: VT *[Signature]* 1



Nguyễn Hoàng Thao

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **521** /BKHD-TĐKKD

V/v báo cáo tình hình quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp sau đăng ký
thành lập năm 2020

Hà Nội, ngày **29** tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Khoản 4 Điều 18 Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập (Quy chế phối hợp mẫu) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHD-TBTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định: “Trong tháng 2 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ”.

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Ủy ban báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn trong năm 2020 theo Đề cương gửi kèm và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01/3/2021.

Xin cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, ĐKKD(GST)_{T2}



Nguyễn Văn Trung



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập
(Kèm theo Công văn số 521/BKHĐT-ĐKKD ngày 29/01/2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Việc xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập quy định tại Điều 19 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

- Về xây dựng, ban hành và sửa đổi Quy chế phối hợp.
- Về phân công cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế phối hợp.

2. Kết quả công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng tại địa phương với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương trong việc xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, pháp luật về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; trong xây dựng, triển khai các chương trình phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân, doanh nghiệp.

Nêu cụ thể nội dung công việc, các cơ quan thực hiện, khối lượng công việc và kết quả cụ thể.

3. Kết quả việc thực hiện công tác đối thoại với người dân, doanh nghiệp về những vấn đề bất cập trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

4. Về vấn đề phát sinh trong thực tế triển khai công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp ở địa phương

- Những vấn đề phát sinh đã có báo cáo Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ nhưng chưa có biện pháp khắc phục.
- Những vấn đề phát sinh mới chưa có báo cáo Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

II. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập tại địa phương

1. Về trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp

a) Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

- Về xây dựng, ban hành và sửa đổi Quy trình cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp.
- Về việc cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố.
- + Nội dung thông tin; địa chỉ thực hiện công khai thông tin.

- + Nội dung thông tin cung cấp (thông tin chi tiết, số liệu thống kê).
- + Thời gian cung cấp (thường xuyên, định kỳ, theo yêu cầu).
- + Phương thức cung cấp (văn bản giấy, dữ liệu điện tử, kết nối hệ thống).
- + Hình thức cung cấp (gửi trực tiếp, qua văn thư, thư điện tử).
- + Kết quả cung cấp thông tin (số lượng cơ quan, đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp yêu cầu cung cấp, số lượng yêu cầu cung cấp, số lượng yêu cầu đã cung cấp).
- Về tình hình thực hiện trao đổi, đối chiếu thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Nêu cụ thể các công việc đã triển khai thực hiện và kết quả đạt được giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn.

b) Trách nhiệm của các cơ quan chức năng quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

- Tình hình xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của các cơ quan chức năng; phương án, công cụ trao đổi thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giữa các cơ quan chức năng với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.

- Về cách thức quản lý, khai thác dữ liệu, trao đổi và cung cấp thông tin về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của các cơ quan chức năng trong trường hợp chưa xây dựng cơ sở dữ liệu.

- Tình hình cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Nêu cụ thể nội dung thông tin thực hiện cung cấp, công khai; địa chỉ thực hiện công khai thông tin; cơ quan cung cấp, số lượng doanh nghiệp đã thực hiện cung cấp, công khai.

c) Việc thực hiện công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chức năng khác quy định tại Điều 10 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

Nêu cụ thể nội dung thông tin thực hiện công khai; địa chỉ thực hiện công khai thông tin; cơ quan, số lượng doanh nghiệp thực hiện công khai.

d) Việc ban hành quy định về hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp quy định tại Điều 11 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV.

2. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp quy định tại Điều 13, Điều 14 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

a) Tình hình xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh, thành phố

- Cơ quan đầu mối được giao xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh, thành phố.

- Việc phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kế hoạch kiểm toán.

- Số cuộc, đơn vị chủ trì, thực hiện thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch, bao gồm: thanh tra, kiểm tra liên ngành và thanh tra, kiểm tra độc lập.

b) Tình hình phối hợp triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

- Số cuộc, đơn vị chủ trì, thực hiện thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch hoặc đột xuất đã hoàn thành, bao gồm: thanh tra, kiểm tra liên ngành và thanh tra, kiểm tra độc lập.

- Số doanh nghiệp đã được thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch hoặc đột xuất, bao gồm: thanh tra, kiểm tra liên ngành và thanh tra, kiểm tra độc lập.

- Số lượng doanh nghiệp vi phạm trên tổng số lượng doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch hoặc đột xuất, bao gồm: thanh tra, kiểm tra liên ngành và thanh tra, kiểm tra độc lập.

- Các hình thức xử phạt qua công tác thanh tra, kiểm tra; số tiền xử phạt (đã nộp, chưa nộp); số tiền kiến nghị thu hồi (đã thu hồi, chưa thu hồi).

- Tình hình theo dõi, xử lý đối với doanh nghiệp sai phạm sau thanh tra, kiểm tra.

3. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 15 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

4. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Điều 16 Quy chế phối hợp mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc của địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

- Khó khăn trong xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế phối hợp.

- Khó trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập tại Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

- Khó khăn trong phối hợp giữa các cơ quan để thực hiện nhiệm vụ:

- + Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp.

- + Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- + Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- + Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Kiến nghị Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ về cơ chế, chính sách đối với công tác quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.